TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2024/QĐST- VDS	*Đan Phượng, ngày 17 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Tuyết

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 25/2024/TB-TLVDS ngày 29/3/2024 về "Hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích" theo Quyết định mở phiên họp số 01/2024/QĐST-VDS ngày 08 tháng 4 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu:*** Anh Trần Văn C, sinh năm 1981; Địa chỉ: Cụm 7, xã T, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Trần Văn B sinh năm 1958; Bà Nguyễn Thị K sinh năm 1961; Anh Trần Văn C sinh năm 1986; Cùng địa chỉ: Cụm 7, xã T, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và bản tự khai của người yêu cầu, anh Trần Văn C trình bày: Anh là con của ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị K. Ông Bàu và bà Khuyên sinh được hai con, anh là Trần Văn C, sinh năm 1981 và em trai anh là Trần Văn C, sinh năm 1986. Năm 2002 do làm ăn kinh tế gặp khó khăn, nợ nần nên anh đã bỏ đi khỏi nhà và không liên lạc về gia đình. Tháng 3 năm 2024 anh trở về nhà thì được ông Bàu, bà Khuyên và anh Cường cho biết, sau khi anh bỏ đi gia đình đã tìm kiếm ở nhiều nơi nhưng không có tin tức, không biết anh sinh sống ở đâu, năm 2014 anh Cường đã làm

đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh mất tích và đã được Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng mở phiên họp ra Quyết định giải quyết việc dân sự. Ngày 26/3/2024 anh đã trở về nhà và sinh sống cùng bố mẹ anh là ông Bàu và bà Khuyên tại Cụm 7, xã T, huyện Đan Phượng. Nay anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội hủy bỏ Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2014/QĐDS–ST ngày 14/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội đã tuyên bố anh mất tích để đảm bảo quyền lợi cho anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị K trình bày: Ông bà là bố mẹ của anh Trần Văn C và anh Trần Văn C. Năm 2002 do làm ăn kinh tế gặp khó khăn, nợ nần nên anh Cử đã bỏ nhà đi, gia đình đã tìm kiếm ở nhiều nơi nhưng không có tin tức của anh Cử. Năm 2014 ông, bà bảo anh Cường làm đơn đề nghị Tòa án huyện Đan Phượng giải quyết việc dân sự tuyên bố anh Cử mất tích. Ngày 14/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội đã mở phiên họp tuyên bố anh Cử mất tích, suốt từ thời gian đó đến nay anh Cử không về và cũng không có tin tức gì về gia đình. Ngày 26/3/2024 anh Cử đã trở về nhà và đến công an xã T xác nhận nhân thân, trong Quyết định giải quyết việc dân sự năm 2014, Tòa án ghi anh Trần Văn C, sinh năm 1980 là căn cứ vào sổ hộ khẩu (cũ) của gia đình, nhưng trên thực tế anh Trần Văn C, sinh năm 1981 chứ không phải sinh năm 1980. Nay anh Cử có đơn đề nghị Tòa án hủy Quyết định tuyên bố anh Cử mất tích, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của anh Cử để đảm bảo quyền lợi cho anh Cử theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn C trình bày: Anh là con ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị K và là em trai anh Trần Văn C. Do anh Cử bỏ nhà đi từ năm 2002 nên vào năm 2014 gia đình có bảo anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố anh Cử mất tích. Nay anh Cử đã trở về nhà và có đơn đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định tuyên bố anh Cử mất tích, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của anh Cử. Theo Quyết định giải quyết việc dân sự thì anh Trần Văn C, sinh năm 1980 là căn cứ vào sổ hộ khẩu (cũ) của gia đình nhưng trên thực tế anh Trần Văn C sinh năm 1981 chứ không phải sinh năm 1980.

Tòa án xác minh tại Công an xã T thì công an xã cho Tòa án biết: Khoảng tháng 3 năm 2024, anh Trần Văn C đến Công an xã T đề nghị xác nhận nhân thân, theo giấy khai sinh thì anh Trần Văn C , sinh năm 1981 nhưng theo sổ hộ khẩu (cũ) của gia đình thì anh Trần Văn C, sinh năm 1980, mặc dù năm sinh khác nhau nhưng là 1 con người, anh Cử là con ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị K, đã bỏ nhà đi, nay đã trở về địa phương và sinh sống cùng ông Bàu, bà Khuyên, tại địa chỉ: Cụm 7, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham

gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ việc kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp là đúng trình tự pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm c khoản 2 Điều 39; các Điều 149, 361, 370, 371, 372 và Điều 390 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 70 của Bộ luật Dân sự, Điều 36; Điều 37 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn C, hủy bỏ Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2014/QĐDS–ST ngày 14/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội về việc tuyên bố anh Trần Văn C mất tích. Về lệ phí: Anh Trần Văn C phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 14/3/2014 anh Trần Văn C đã bị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng tuyên bố mất tích, ngày 26/3/2024 anh Cử đã trở về nhà và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự, hủy bỏ quyết định tuyên bố anh Cử mất tích. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng thụ lý giải quyết yêu cầu của anh Trần Văn C là đúng quy định tại khoản 3 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm c khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy, anh Trần Văn C bỏ nhà đi từ năm 2002 nên năm 2014 anh Trần Văn C là em trai anh Cử có đơn yêu cầu Tòa án huyện Đan Phượng tuyên bố anh Cử mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2014/QĐDS–ST ngày 14/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội đã tuyên bố anh Trần Văn C mất tích. Ngày 26/3/2024 anh Trần Văn C đã trở về địa phương và sinh sống cùng ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị K, tại địa chỉ cụm 7, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh, giấy xác nhận nhân thân thì anh Trần Văn C, sinh ngày 04/7/1981nhưng theo sổ hộ khẩu gia đình (cũ) và quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2014/QĐDS–ST ngày 14/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng thì anh Trần Văn C sinh năm 1980. Tòa án xác minh tại Công an xã T và lấy lời khai của thân nhân gia đình anh Cử thì có căn cứ khẳng định anh Trần Văn C, sinh năm 1981 và anh Trần Văn C, sinh năm 1980 là một người. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên có căn cứ khẳng định anh Trần Văn C, sinh năm 1981, có đơn yêu cầu Tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích là có căn cứ, được Tòa án chấp nhận.

[3] Về lệ phí việc dân sự: Anh Trần Văn C phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm c khoản 2 Điều 39; các Điều 149, 361, 370, 371, 372 và Điều 390 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 70 của Bộ luật Dân sự; Điều 36; Điều 37 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Trần Văn C về việc: Hủy bỏ Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2014/QĐDS–ST ngày 14/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội về việc tuyên bố anh Trần Văn C mất tích.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010159 ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

3. Quyền kháng cáo: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- UNND xã T, huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Tuyết

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….(1) **------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ……../……./QĐST-……(2)	*……., ngày ….. tháng …. năm …….*

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v(3)……..

TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....

Các Thẩm phán: (4) Ông (Bà) .....

Ông (Bà) .....

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)(5) .....

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân ..... tham gia phiên họp:
Ông (Bà)…….. - Kiểm sát viên.

Ngày…….. tháng…… năm…… , tại(6) .....mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số …./…./TLST-.... ngày…. tháng …. năm….. về việc(7) …….theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số ……/ …../QĐST-…… ngày…. tháng…. năm…… , gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[8] .....

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[9].....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: [10].....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[11].....

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[12].....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[13] .....

.....

- Người làm chứng (nếu có):[14].....

.....

- Người phiên dịch (nếu có):[15].....

.....

- Người giám định (nếu có):[16].....

.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:[17]

.....

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân ……..nhận định:[18]

[1] .....

.....

[2].....

.....

[3].....

.....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ[19].....

.....

- [20].....

.....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự[21].....

.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị[22].....

.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án[23] .....

.....

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP [24]
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví

dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm ….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại…… là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

"THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"